TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 141/2019/HNGĐ- PT.
Ngày: 25/9 /2019
V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: ***Bà Nguyễn Thị Kiều T***

Các Thẩm phán: ***Bà Mai Vân A***

Bà Trần Thị Thanh T

Thư ký phiên toà: ***Bà Chử Thị Bích L*** - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội ***: Bà Trịnh Thu T*** *– KSV*

Ngày 25 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố H, xét xử phúc thẩm, công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 109/2019/TLPT - HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 09/2019/HNGĐ - ST, ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận B, thành phố H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 75/2019/QĐPT – HNGĐ ngày 27 tháng 8 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số /2019/QĐ-HPT ngày 16/9/2019 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: ***Chị Đinh Thị Phương N,*** sinh năm 1984

Nơi ĐKHKTT: Số nhà 2, ngách 117/15/12 Trần C, tổ dân phố H 8, phường C, Quận B, thành phố H. Nơi cư trú: Phòng 08.15, tòa nhà C1B, khu chung cư Ecohome2, phường Đ, Quận B, thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa)

Bị đơn: ***Anh Trương Hương S,*** sinh năm 1978

Địa chỉ: Số nhà 2, ngách 117/15/12 Trần C, tổ dân phố H 8, phường C, Quận B, thành phố H (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án sơ thẩm, nguyên đơn chị Đinh Thị Phương N trình bày:***

- Về tình cảm: Chị và anh Trương Hương S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/3/2007 tại UBND xã C, huyện T, thành phố H. Sau khi kết hôn, anh chị sống hạnh phúc đến khoảng tháng 01/2014 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ việc hai bên bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dậy con, mâu thuẫn về tài chính. Anh S có đánh chị một lần và chị bị chảy máu, phải đi khâu. Từ khi mâu thuẫn diễn ra hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh chị sống ly thân từ tháng 3/2019 cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hai bên không thể tiếp tục chung sống, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn cho chị với anh Trương Hương S.

- Về con chung: Chị và anh S có một con chung là Trương Gia H, sinh ngày 24/5/2008. Chị có nguyện vọng nuôi dưỡng cháu H sau khi ly hôn. Chị yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

Hiện nay, chị đang ở cùng với mẹ chị tại phòng 08.15, tòa nhà C1B, khu chung cư Ecohome2, phường Đ, Quận B. Chị đang làm giáo viên tại Trường Trung học phổ thông N, H và Trung tâm bồi dưỡng văn hóa T thuộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại Q, thu nhập bình quân hàng tháng là 14.404.138 đồng/tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh S không có tài sản, nợ chung.

Theo đơn khởi kiện bản tự khai, quá trình tố tụng tại Tòa án sơ thẩm bị đơn anh Trương Hương S trình bày:

- Về tình cảm: Anh và chị Đinh Phương N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 27/3/2007 tại UBND xã C, huyện T, thành phố H. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn bắt nguồn từ việc bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dậy con chung. Từ khi mâu thuẫn diễn ra, anh chị đã hàn gắn, giải quyết nhiều lần nhưng không có kết quả. Anh và chị N sống ly thân từ ngày 9/3/2019. Hiện nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đã hết tình cảm với chị N nên anh nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị N.

- Về con chung: Anh và chị N có một con chung là Trương Gia H, sinh ngày 24/5/2008. Ly hôn anh có nguyện vọng nuôi cháu H và không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh S đang ở cùng bố mẹ đẻ tại TDP Hoàng 8, phường C 1, Quận B, thành phố H. Thu nhập khoảng 9.000.000 đồng/tháng từ tiền cho thuê phòng trọ do bố mẹ anh cho.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị N không có tài sản chung, nợ chung.

Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 09/2019/HNGĐ - ST, ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận B, thành phố H đã quyết định như sau :

Căn cứ vào các điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều

273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: 1/ Về tình cảm: Công nhận sự thuận tình ly hôn của chị Đinh Thị Phương N và anh Trương Hương S.

2/ Về con chung: Anh S và chị N có một con chung là Trương Gia H, sinh ngày 24/5/2008. Giao cháu H cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2019 đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Anh chị không có tài sản chung, nợ chung.

Ngoài ra cấp sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo bản án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/6/2019 anh Trương Hương S kháng cáo về phần tình cảm và con chung.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh S đồng ý ly hôn với chị N, chỉ yêu cầu được nuôi cháu Trương Gia Huy. Chị N không kháng cáo, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H có quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân Thành phố tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của anh Trương Hương S hợp lệ. Sau khi phát biểu nội dung và căn cứ giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ luật Hôn nhân gia đình, căn cứ khoản 1 điều 308 Bộ luật dân sự, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau: Đơn kháng cáo của anh Trương Hương S trong thời hạn Luật định nên được coi là hợp lệ.

Về tình cảm: Chị Đinh Thị Phương N kết hôn với anh Trương Hương S trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc, có đăng ký kết hôn tại UBND phường Y, quận C, thành phố H ngày 09/11/2001 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 01/2014 thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên bất đồng quan điểm sống, cách nuôi dậy con chung và kinh tế. Anh chị đã sống ly thân từ ngày 9/3/2019 đến nay. Chị N xin ly hôn và anh S đồng ý. Tòa án cấp sơ thẩm công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị Phương N và anh Trương Hương S là có căn cứ theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình. Theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân gia đình " *vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau chia sẻ ...vợ chồng có nghĩa vụ*

chung sống với nhau ". Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, lời thừa nhận của anh chị tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện: Trong cuộc sống hôn nhân từ nhiều năm nay anh chị mất lòng tin đối với nhau, không có sự tôn trọng trong cuộc sống hàng ngày, đã ly thân mỗi người một nơi không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng không còn. Điều đó thể hiện mâu thuẫn đã căng thẳng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N là có căn cứ phù hợp với điều 19, điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình

Về con chung: Chị N và anh S có 01 con chung là cháu Trương Gia H (nam) sinh ngày 24/5/2008. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định giao cháu Trương Gia H cho chị Đinh Thị Phương N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000/tháng kể từ tháng 6/2019 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi và anh S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Anh S kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm xét xử theo hướng giao cháu H để anh nuôi dưỡng, chị N không kháng cáo, chị đồng ý án sơ thẩm giao con chung cho chị nuôi. Xét yêu cầu xin nuôi con của anh S, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyện vọng của anh S là chính đáng thể hiện quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái nhưng việc giao con cho ai nuôi căn cứ vào quyền lợi của đứa trẻ và khả năng nuôi con của mỗi bên. Việc Tòa án cấp sơ thẩm không chỉ căn cứ điều kiện tâm sinh lý của đứa trẻ mà còn căn cứ vào khả năng nuôi con cũng như việc chăm sóc con của chị N để giao con cho chị N nuôi dưỡng là có căn cứ đúng quy định của pháp luật. Hiện tại sức khỏe cháu tốt và phát triển bình thường, đang theo học ổn định. Chị N có đủ điều kiện nuôi con và thu nhập ổn định, bên cạnh đó chị đang sống cùng mẹ đẻ và mẹ chị có nguyện vọng chăm sóc cháu ngoại cũng như hỗ trợ về điều kiện vật chất để chị N nuôi con nên giao cháu H cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, là hợp tình hợp lý cũng như phù hợp pháp luật, phù hợp điều 81 luật Hôn nhân gia đình.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh S cấp dưỡng nuôi con chung 4.000.000đồng/tháng

Về tài sản chung: (Động sản và bất động sản) và nợ: Anh chị không có tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không xem xét.

Về án phí: Chị Đinh Thị Phương N phải chịu án phí HNGĐ sơ thẩm.

Anh S phải chịu án phí HNGĐ phúc thẩm.

Từ những nhận định trên!

- Căn cứ Điều 19, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, điều 313 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016 UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu , nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

Xử : Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Trương Hương Sơn.

Giữ nguyên bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 09/2019/HNGĐ - ST, ngày 14 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân Quận B, thành phố H đã quyết định như sau:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh Trương Hương S. Chị Đinh Thị Phương N được ly hôn với anh Trương Hương S.

2/ Về con chung: Xác nhận chị Đinh Thị Phương N và anh Trương Hương S có 01 con chung là cháu Trương Gia H (nam), sinh ngày 24/5/2008. Giao cháu H cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 4.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 6/2019 đến khi cháu H đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác. Anh S có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung và nợ: Anh S, chị N không có tài sản chung nên Tòa án không giải quyết.

4/ Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm (đã nộp) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2015/0002705 ngày 5/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B. Anh S phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm (đã nộp) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2015/0002916 ngày 4/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND Quận B
- VKSND TP H.
- Đương sự. Nơi ĐKKH
- Lưu.

TM. Hội đồng xét xử phúc thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Kiều T